

Bản án số: 551/2017/HSPT

Ngày: 16/8/2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hùng;

Các thẩm phán: Ông Ngô Hồng Phúc;

Ông Đinh Ngọc Huân.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thư ký
Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên
tòa:* Ông Lê Quang Minh, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 32/2016/HSPT ngày 11 tháng 01 năm 2016 đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Bùi Mạnh H phạm tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” do có kháng cáo của các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 347/2016/HSST ngày 19 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

** Các bị cáo có kháng cáo:*

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1958; nơi ĐKKHKT: Tập thể Công ty dịch vụ Lâm Nghiệp, phường Minh Kh, quận Bắc Từ L, thành phố Hà Nội; chỗ ở: Tổ dân phố Trù 2, phường Cổ Nh, quận Bắc Từ L, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: nguyên Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu và đầu tư phát triển Hà Nội; Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng); con ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị Đ (đều đã chết); có vợ là Đặng Thị Thanh Ch1 và có 02 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 27/9/2013; có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Mạnh H, sinh năm 1963; nơi ĐKKHKT: Tổ 3, cụm Đình, phường Nhân Ch, quận Thanh X, thành phố Hà Nội; chỗ ở: số nhà 20, ngõ 178 phố Quan Nh1, phường Nhân Ch, quận Thanh X, thành phố Hà Nội; nghề

nghiệp: nguyên Trưởng phòng tài chính kế toán Công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu và đầu tư phát triển Hà Nội; Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng); con ông Bùi C (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ1; có vợ là Nguyễn Thị S1, có 01 con sinh năm 1986; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 04/8/2014, thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 28/6/2016; hiện tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T:* Luật sư Lương Quang T1 - Văn phòng Luật sư An Th thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:* Ông Vũ Quang T2, sinh năm 1971; trú tại: P501- N03, Trần Quý Kiên, Dịch V, Cầu Gi, Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

* *Bị đơn dân sự và người có quyền lợi liên quan không kháng cáo:*

- Công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu và đầu tư xây dựng phát triển Hà Nội (gọi tắt là Công ty H1).

Địa chỉ: số 116 Hoàng Quốc V1, quận Cầu Gi, thành phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến Th1; Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng T3 - Văn phòng luật sư Đức Th2 - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

- Bà Quách Thị T3, sinh năm 1965; trú tại: Căn hộ 1507, Tòa nhà A4, tổ 7, phường Cầu D, quận Nam Từ L, thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 198 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* **Việc huy động vốn để thực hiện dự án trái quy định của pháp luật.**

Công ty TNHH một thành viên Xuất nhập khẩu và Đầu tư xây dựng phát triển Hà Nội (viết tắt là Công ty H1) trực thuộc UBND thành phố Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 21/5/2010 của UBND thành phố Hà Nội, trên cơ sở chuyển đổi Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Nông Lâm nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn thành phố Hà Nội, trụ sở tại: số 116 Hoàng Quốc V1, phường Nghĩa T4,

quận cầu Gi, thành phố Hà Nội, vốn điều lệ 7.141.796.661 đồng, đến ngày 09/01/2012 tăng vốn điều lệ lên 15.000.000.000 đồng. Công ty H1 là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100102936 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/8/2010, với nhiều ngành nghề kinh doanh, trong đó có ngành nghề: Xây dựng các loại (xây dựng nhà ở, đô thị mới, nhà xưởng sản xuất), kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; bán buôn, bán lẻ xe ô tô...; người đại diện theo pháp luật là Nguyễn Văn T - Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc. Ngày 15/7/2012, Nguyễn Văn T bị điều chuyển sang làm Trưởng Ban công tác thu hồi công nợ của Công ty H1.

Trong số đất Công ty H1 được Nhà nước giao và cho thuê để phục vụ sản xuất, kinh doanh có khu B5 diện tích 28.827 m², thuộc thị trấn Cầu D, huyện Từ L, thành phố Hà Nội (nay là quận Bắc Từ L, thành phố Hà Nội), nằm trong dự án xây dựng công trình khu tái định cư thuộc lô CT1 và CT5 dự án phát triển giao thông đô thị Hà Nội do Sở Giao thông vận tải Hà Nội làm chủ đầu tư và lô đất HH2 là lô đất xây dựng nhà ở tái định cư, dịch vụ thương mại và công nghiệp sạch của dự án Khu đô thị thành phố Giao lưu do Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng quốc tế VIGEB A làm chủ đầu tư theo Quyết định số 755/QĐ-UBND ngày 22/7/2007 của UBND thành phố Hà Nội.

Ngày 14/01/2008, Công ty H1 và Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng nhà đất, nay đổi tên thành Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư xây dựng nhà đất (tên viết tắt là H2), địa chỉ: 152 phố Nguyễn Ngọc N, phường Khương M, quận Thanh X, thành phố Hà Nội, ký Biên bản thỏa thuận hợp tác đầu tư.

Ngày 01/7/2008, Công ty Xuất nhập khẩu và xây dựng nông lâm nghiệp có Tờ trình số 73/TTCT gửi UBND thành phố Hà Nội và Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Hà Nội, đề nghị chuyển đổi mục đích sử dụng 20.000m² đất tại khu B5, thị trấn Cầu D, huyện Từ L, Hà Nội (nay là quận Bắc Từ L, Hà Nội) để lập và thực hiện dự án “Khu chung cư và biệt thự nhà vườn”; tại tờ trình có nội dung xin được hợp tác đầu tư với Công ty H2.

Ngày 01/8/2008, Nguyễn Văn T - Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc đại diện Công ty Xuất nhập khẩu và xây dựng nông lâm nghiệp và bà Châu Thị Thu Ng - Tổng Giám đốc đại diện Công ty H2 ký Hợp đồng hợp tác đầu tư số 309/CT-2008, về việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình khu chung cư và biệt thự nhà vườn tại khu đất B5 Cầu D, thị trấn Cầu D, huyện Từ L, thành phố Hà Nội (gọi tắt là Dự án B5 cầu D), diện tích thực hiện dự án là 22.325,5m², dự kiến quy mô gồm 03 chung cư 21 tầng và 36 nhà vườn, tổng mức đầu tư 279,3 tỷ đồng; hai bên thỏa thuận, Công ty H1 góp vốn 40% bằng giá trị quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và tiền mặt; Công ty H2 góp vốn

60% trên tổng mức đầu tư xây dựng công trình; giao cho Công ty H2 lập và thực hiện dự án; đồng thời, Công ty xuất nhập khẩu và xây dựng nông lâm nghiệp ủy quyền cho Công ty H2 chủ trì, thực hiện các bước trong giải phóng mặt bằng.

Ngày 11/9/2008, Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Hà Nội có Văn bản số 130/SNN-KH gửi UBND thành phố Hà Nội đồng ý với đề nghị của Công ty H1 và đề nghị UBND thành phố Hà Nội xem xét, cho ý kiến chỉ đạo.

Theo đề nghị của Liên danh Công ty H1, Công ty H2 và các cơ quan có liên quan, ngày 23/11/2010, UBND thành phố Hà Nội có Quyết định số 5801/QĐ-UBND, phê duyệt điều chỉnh, chủ đầu tư công trình xây dựng nhà ở tại lô đất CT5 thuộc dự án phát triển giao thông đô thị Hà Nội từ Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội sang Liên danh Công ty H1 và Công ty H2.

Ngày 30/3/2011, UBND thành phố Hà Nội có Công văn số 2151/UBND- KH&ĐT đồng ý cho phép Liên danh Công ty H1 và Công ty H2 lập quy hoạch điều chỉnh toàn bộ ô đất ký hiệu 14 với diện tích nghiên cứu khoảng 22.099m² (bao gồm ô đất ký hiệu CT5 và ô đất ký hiệu HH2) thuộc quy hoạch chi tiết 1/500 Khu đô thị thành phố giao lưu.

Ngày 19/6/2013, liên danh Công ty H1 và Công ty H2 có Công văn số 178/CV-LD/2013 gửi UBND thành phố Hà Nội, Sở Xây dựng thành phố Hà Nội xin điều chỉnh cơ cấu diện tích căn hộ, điều chỉnh chức năng từ nhà ở tái định cư sang nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư và nhà ở thương mại, chiều cao nhà từ 9 đến 13 tầng lên 21 tầng...

Ngày 21/6/2013, UBND thành phố Hà Nội có Công văn số 2968/VP-QHXDGT gửi Sở xây dựng thành phố Hà Nội, liên danh Công ty H1 và Công ty H2 với nội dung: Giao Sở xây dựng chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan nghiên cứu, đề xuất đúng quy định và phù hợp với điều kiện thực tế thị trường bất động sản hiện nay báo cáo UBND thành phố.

Đến nay dự án xây dựng nhà ở tái định cư và khu nhà ở cao tầng của Dự án B5 Cầu D chưa được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt quy hoạch điều chỉnh chi tiết, chưa được cấp phép xây dựng dự án. Theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Nhà ở năm 2005 và quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở thì Dự án B5 Cầu D chưa được huy động vốn của người có nhu cầu mua nhà và số tiền huy động vốn để thực hiện Dự án B5 Cầu D chỉ được sử dụng để thực hiện dự án này, nhưng Nguyễn Văn T - Chủ tịch, kiêm Tổng giám đốc Công ty H1 đã chỉ đạo và tổ chức thực hiện

việc huy động vốn và sử dụng số tiền huy động vốn vào nhiều mục đích khác nhau. Cụ thể:

Ngày 08/5/2010, Nguyễn Văn T đã chủ trì cuộc họp cán bộ chủ chốt Công ty H1, gồm: Các Trưởng phòng, Giám đốc Xí nghiệp và các tổ chức đoàn thể của Công ty H1, bàn về việc triển khai, thực hiện Dự án B5 Cầu D. Ngày 11/5/2010 và ngày 28/5/2010, Nguyễn Văn T ký Thông báo số 98-TB và số 116-TB về việc huy động vốn của các cá nhân trong và ngoài Công ty H1 để làm vốn đối ứng cho dự án xây dựng Khu chung cư tại khu đất B5 Cầu D, nếu người nào góp vốn sẽ được ưu tiên mua căn hộ thuộc Dự án B5 Cầu D khi có nhu cầu.

Từ ngày 09/8/2008 đến ngày 22/3/2012, Nguyễn Văn T đã chỉ đạo Bùi Mạnh H - Trưởng phòng Tài chính kế toán, Kế toán trưởng Công ty H1 và các nhân viên dưới quyền thu 263.339.026.000 đồng của các cá nhân, tổ chức hợp tác đầu tư và góp vốn thực hiện Dự án B5 Cầu D, nhưng không báo cáo UBND thành phố Hà Nội (chủ sở hữu Công ty H1), cụ thể:

Từ ngày 09/8/2008 đến ngày 09/11/2011, Công ty H1 đã nhận của Công ty H2 và 03 cá nhân hợp tác đầu tư góp vốn thực hiện Dự án B5 Cầu D, thu tổng số tiền 37.180.526.000 đồng; trong đó: Từ ngày 09/8/2008 đến ngày 09/11/2011 Công ty H2 chuyển 34.210.526.000 đồng; từ ngày 18/8/2009 đến ngày 14/02/2010 bà Phạm Thị H3 chuyển 990.000.000 đồng; ngày 29/12/2009 ông Đào Khánh H4 chuyển 990.000.000 đồng; ngày 13/01/2010 bà Nguyễn Thị Thúy Ng chuyển 990.000.000 đồng. Công ty H1 đã sử dụng một phần số tiền trên vào việc chi hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng Dự án B5 Cầu D.

Từ ngày 26/5/2010 đến ngày 22/3/2012, Nguyễn Văn T đã ký thỏa thuận vay vốn của 246 cá nhân trong, ngoài Công ty H1 và của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Việt H5 (trước khi ký Thỏa thuận vay vốn, mỗi khách hàng phải viết Đơn xin mua nhà tại Chung cư B5 Cầu D), thu tổng số tiền 226.158.500.000 đồng; cụ thể: Năm 2010, Công ty H1 huy động tổng số tiền là 178.408.500.000 đồng vượt 24,98 lần giá trị vốn điều lệ (178.408.500.000 đồng/7.141.796.661 đồng) và bằng 276% tài sản của Công ty H1 tại thời điểm ngày 01/01/2010 là 64.726.323.818 đồng; trong đó: số tiền huy động từ ngày 26/5/2010 đến ngày 30/6/2010 bằng 39,1% tài sản của Công ty H1 tại thời điểm ngày 01/01/2010 (25.330.000.000 đồng/64.726.323.818 đồng), số tiền huy động từ ngày 01/7/2010 đến ngày 30/12/2010 vượt 21,4 lần giá trị vốn điều lệ (153.078.500.000 đồng/7.141.796.661 đồng). Năm 2011, Công ty H1 huy động số tiền là 46.450.000.000 đồng vượt 6,5 lần vốn điều lệ (46.450.000.000

đồng/7.141.796.661 đồng). Năm 2012, Công ty H1 huy động số tiền là 1.300.000.000 đồng.

Việc huy động vốn nêu trên của Nguyễn Văn T và Bùi Mạnh H là trái quy định của pháp luật và vượt quá quyền hạn được giao, vì: Theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Nhà ở năm 2005 thì “*Trường hợp chủ đầu tư huy động vốn từ tiền ứng trước của người có nhu cầu mua nhà, chỉ áp dụng trong trường hợp thiết kế nhà ở đã được phê duyệt và đã được xây dựng xong phần móng*” Điều 3.2 khoản 3 Điều 3, mục 1, chương II Thông tư số 117/TT-BTC ngày 05/8/2010 của Bộ tài chính, hướng dẫn cơ chế tài chính của Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu, quy định: Chủ tịch công ty (đối với công ty không có Hội đồng thành viên) quyết định các phương án huy động vốn có giá trị không vượt quá giá trị vốn điều lệ hoặc tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty, hoặc không vượt quá mức giá trị tối đa quy định tại Điều lệ công ty. Đối với công ty có nhu cầu huy động vốn vượt quy định thì phải báo cáo chủ sở hữu xem xét, quyết định...; Điều 20 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty H1 ban hành kèm theo Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 30/7/2010 của UBND thành phố Hà Nội (gọi tắt là Điều lệ Công ty H1), thì Chủ tịch Công ty H1 quyết định phương án huy động vốn có giá trị từ 30% đến 40% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc có giá trị từ 50% đến bằng mức vốn điều lệ công ty.

*** Việc sử dụng vốn vay không đúng mục đích, trái quy định:**

Số tiền thu được từ việc hợp tác đầu tư, vay vốn để thực hiện Dự án B5 Cầu D nêu trên không được sử dụng để thực hiện dự án như mục đích huy động vốn mà Nguyễn Văn T đã chỉ đạo Bùi Mạnh H và nhân viên Công ty H1 gửi vào Ngân hàng Công thương Việt Nam, chi nhánh Nam Thăng Long và Ngân hàng đầu tư phát triển Việt Nam, chi nhánh Thăng Long, sau đó sử dụng số tiền 262.914.935.420 đồng vào nhiều mục đích khác nhau, cụ thể:

- Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2008, 2009, tháng 01 và tháng 02 năm 2012, trả lương văn phòng Công ty năm 2008, 2009, hỗ trợ mất việc làm, nghỉ hưu: 4.656.831.060 đồng.

- Chi đền bù hoa màu và giải phóng mặt bằng Nhà máy gạch tuynel Hải Dương: 30.524.232.617 đồng (chi cho Chi nhánh Công ty H1 tại Hải Dương).

- Chi mua tài sản cố định, phá dỡ, định giá tài sản, trả tiền thuê đất, vay ngân hàng, mua bảo hiểm, tạm ứng, cho vay, nộp thuế: 33.667.067.121 đồng.

- Chi san lấp ao Tây Mỗ, huyện Từ L, Hà Nội: 2.260.000.000 đồng.

- Chi đầu tư Nhà máy chế biến gỗ Quảng Trị (chi cho Chi nhánh Công ty H1 tại Quảng Trị): 5.000.000.000 đồng.

- Trả 27 khách hàng rút vốn từ 01/01/2010-28/02/2012 là: 18.800.000.000 đồng.
- Trả lãi cho khách hàng rút vốn: 947.143.953 đồng.
- Chi mua thép của Công ty xây dựng Trường G 96.759.658.669 đồng.

Từ ngày 28/10/2010 đến ngày 07/04/2011, Nguyễn Văn T đã ký 07 hợp đồng kinh tế về việc mua tổng số 13.309,596 tấn thép giá trị 208.949.230.879 đồng với ông Hoàng Minh Ph - Giám đốc Công ty cổ phần thép Việt Nhật. Sau khi ký hợp đồng, T đã chỉ đạo và cùng Bùi Mạnh H sử dụng các hợp đồng gửi tiền vay vốn thực hiện Dự án B5 Cầu D tại ngân hàng thế chấp cho Ngân hàng Công thương, chi nhánh Nam Thăng Long và Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam, chi nhánh Thăng Long để vay 208.949.230.879 đồng thanh toán cho Công ty cổ phần thép Việt N.

Từ ngày 29/10/2010 đến ngày 08/4/2011, T ký 07 Hợp đồng kinh tế bán 13.309,596 tấn thép với tổng giá trị là 211.104.468.314 đồng cho ông Nguyễn Cảnh D1 - Giám đốc Công ty xây dựng Trường G, nội dung hợp đồng được xác định là hợp đồng thanh toán trả chậm, nên Công ty xây dựng Trường G phải trả Công ty H1 lãi xuất tiền vay của Ngân hàng, sau khi thanh toán 30% giá trị tiền hàng, số tiền còn lại Công ty xây dựng Trường G phải chịu lãi xuất trả chậm.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty xây dựng Trường G đã thanh toán tiền của 3/7 Hợp đồng cho Công ty H1, còn lại 04 Hợp đồng giá trị 93.540.572.791 đồng chưa thanh toán (trong đó có 92.614.369.100 đồng của Dự án B5 Cầu D). Do Công ty xây dựng Trường G chậm thanh toán, Ngân hàng đã cản trừ số tiền 4.145.289.569 đồng là tiền lãi của số tiền vay 92.614.369.100 đồng vào số tiền vốn vay thực hiện Dự án B5 Cầu D của Công ty H1 gửi tại Ngân hàng.

Đến ngày 15/6/2011, T và ông Nguyễn Cảnh D1 - Giám đốc Công ty xây dựng Trường G ký Hợp đồng kinh tế số 08/06/HĐ/2011 chuyển số tiền Công ty xây dựng Trường G đang nợ Công ty H1 để mua thép thực hiện Dự án B5 Cầu D. Đến nay, do chưa triển khai thực hiện Dự án B5 Cầu D nên Công ty xây dựng Trường G chưa chuyển thép cho Công ty H1.

Ngày 13/6/2016, ông Nguyễn Cảnh D1 (hiện là Phó giám đốc Công ty xây dựng Trường G) có bản giải trình, nội dung: Hiện tổng cộng các nguồn vốn của Công ty xây dựng Trường G có thể thu thành tiền là 460.975.562.486 đồng, đủ khả năng để trả tiền mua thép giao cho Công ty H1 xây dựng Dự án B5 Cầu D khi dự án này bắt đầu triển khai thi công.

- Công ty H1 chi 55.000.000.000 đồng mua cổ phần dự án khu nhà hỗn hợp cao tầng, dịch vụ đô thị và các công trình công cộng, thương mại đô thị

tại Khu đô thị Sơn Đ1, huyện Hoài Đ2, thành phố Hà Nội do Công ty cổ phần xây dựng và hợp tác đầu tư Đất V2 là chủ đầu tư. Sau khi việc mua bán cổ phần không thành, Công ty H1 đã đồng ý chuyển 55.000.000.000 đồng góp vốn vào Dự án khu biệt thự nhà vườn xã Tiến X1, huyện Thạch Th3, thành phố Hà Nội do Công ty xây dựng Trường G làm chủ đầu tư. Hiện dự án này đang được UBND thành phố Hà Nội rà soát, phân loại, điều chỉnh quy hoạch phù hợp chung quy hoạch Hà Nội mở rộng và trình Thủ tướng xem xét.

Ngày 18/10/2014, Công ty xây dựng Trường G chuyển trả vào tài khoản của Công ty H1 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, chi nhánh Nam Thăng Long số tiền 500.000.000 đồng.

- Chi tạm ứng cho Chi nhánh Hải Dương số tiền 15.300.000.000 đồng.

Thực hiện chỉ đạo của T về việc di dời trụ sở Công ty H1 khi thực hiện dự án tòa nhà văn phòng và cho thuê tại trụ sở chính của Công ty H1 số 116 Hoàng Quốc V1, Hà Nội, nên phải thuê hoặc mua đất để di dời trụ sở, bà Vũ Thị Hồng L1 - Phó Tổng giám đốc Công ty H1 và ông Nguyễn Trung Tuấn - Giám đốc chi nhánh Công ty H1 tại Hải Dương đã gặp và giao dịch với ông Nguyễn Văn Đ3, trú tại số 452 đường Lạc Long Q, phường Nhật T4, phường quận Tây H6, Hà Nội, về việc mua của ông Nguyễn Văn Đ3 1.100m² đất tại đường Lạc Long Q, quận Tây H6, Hà Nội với tổng giá trị tạm tính là 25 tỷ đồng (lô đất này ông Nguyễn Văn Đ3 được UBND phường Nhật T4 giao khoán để canh tác). Từ ngày 21/01/2011 đến ngày 28/01/2011, ông Nguyễn Trung Tuấn đã tạm ứng của Công ty H1 15.300.000.000 đồng để đặt cọc cho ông Nguyễn Văn Đ3. Đến khoảng tháng 10/2012, Phòng cảnh sát kinh tế Công an thành phố Hà Nội tiến hành xác minh việc mua bán đất trên, ông Nguyễn Văn Đ3 đã có đơn và tự nguyện nộp 10 tỷ đồng để trả cho Công ty H1 (Phòng cảnh sát kinh tế Công an thành phố Hà Nội đã trả số tiền này cho Công ty H1), còn 5.300.000.000 đồng ông Nguyễn Văn Đ3 chưa trả cho Công ty H1.

Theo Biên bản xác minh ngày 20/11/2013, ngày 21/10/2015 và tài liệu Công ty H1 cung cấp, xác định: Từ tháng 03/2012 đến tháng 12/2014, Công ty H1 đã thu hồi được số tiền liên quan đến vốn vay thực hiện Dự án B5 Cầu D là 20.171.250.200 đồng, gồm: Tiền thanh lý tài sản, thu hồi tiền tạm ứng, cho vay, trong đó có 10.000.000.000 đồng Công an thành phố Hà Nội thu hồi trả cho Công ty H1. Số tiền 20.171.250.200 đồng thu hồi nêu trên và 367.178.912 đồng chưa chi của Dự án B5 Cầu D, tổng cộng là 20.538.429.112 đồng, đã được Công ty H1 chi: Trả 18 khách hàng rút vốn 12.275.000.000 đồng; trả lãi khách hàng 913.429.112 đồng; chuyển trả Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư xây dựng nhà đất (H2) 4.400.000.000 đồng, trả lương văn phòng, thanh toán bảo hiểm 1.330.510.734 đồng; nộp thuế 1.087.043.272 đồng; chuyển hỗ trợ

giải phóng mặt bằng triển khai dự án 114-116 Hoàng Quốc V1 270.000.000 đồng, chi phí khác 262.445.994 đồng.

Như vậy, số tiền thu được từ việc hợp tác đầu tư, vay vốn để thực hiện Dự án B5 Cầu D nêu trên, đã được Công ty H1 sử dụng hết, trong đó: Trả 45 khách hàng góp vốn là 31.075.000.000 đồng, trả cho Công ty H2 4.400.000.000 đồng, tổng cộng 35.475.000.000 đồng; số tiền còn lại 227.864.026 đồng đã được Nguyễn Văn T và Bùi Mạnh H chi vào nhiều mục đích khác nhau, trong đó có chi 55.000.000.000 đồng góp vốn vào Dự án khu biệt thự nhà vườn xã Tiên X1, huyện Thạch Th3, Hà Nội (chi đầu tư ra ngoài doanh nghiệp) vượt 7,7 lần so với vốn điều lệ (55.000.000.000 đồng/7.141.796.661 đồng), nhưng chưa báo cáo chủ sở hữu, đến nay khó có khả năng thu hồi. Ngoài 45 khách hàng đã rút vốn nêu trên thì từ tháng 07/2010 đến tháng 01/2013, đã có 84 cá nhân (khách hàng) góp vốn vào Dự án B5 Cầu D có đơn xin rút vốn với tổng số tiền là 95.443.500.000 đồng, Công ty H1 đã thanh toán một phần tiền góp vốn cho 08 khách hàng (có đơn) là 7.202.000.000 đồng, còn 88.241.500.000 đồng Công ty H1 không có khả năng để thanh toán cho 84 khách hàng xin rút vốn. Danh sách khách hàng rút vốn đã được thống kê (Bút lục 2997-3001). Ngoài ra, từ tháng 12/2010 đến tháng 3/2011, Công ty H1 sử dụng 3.350.000.000 đồng từ nguồn huy động vốn thực hiện Dự án B5 Cầu D để mua 01 máy san tự hành, 01 máy xúc đào bánh lốp, 01 xe Lu rung, 01 xe Lu tĩnh; đến ngày 10/4/2011 bán thanh lý các xe này thu tổng cộng 1.800.000.000 đồng, lỗ tổng cộng 1.550.000.000 đồng.

Việc sử dụng vốn không đúng mục đích nêu trên của Nguyễn Văn T là trái với quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở... *“Chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở phải sử dụng vốn đã huy động vào đúng mục đích xây dựng dự án phát triển nhà ở đó, không được dùng số vốn đã huy động vào mục đích khác hoặc sử dụng cho các dự án phát triển nhà ở khác”* và vượt quá quyền hạn được giao theo điểm 8.1 khoản 8 Điều 5 mục 1, chương II Thông tư số 117/TT- BTC ngày 05/8/2010 của Bộ Tài chính, hướng dẫn cơ chế tài chính của Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu, quy định: *“Chủ tịch công ty (đối với công ty không có Hội đồng thành viên) quyết định các dự án đầu tư ra ngoài công ty trong phạm vi tổng giá trị đầu tư tài chính của công ty thấp hơn 50% vốn điều lệ hoặc theo phân cấp tại Điều lệ công ty; còn đối với dự án đầu tư mà giá trị từ 50% vốn điều lệ trở lên thì công ty phải báo cáo chủ sở hữu quyết định”*.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã tiến hành xác minh và ghi lời khai của 186 cá nhân và tập thể đã góp vốn, hợp tác đầu tư với Công ty H1 để

đầu tư, thực hiện Dự án B5 Cầu D. Tuy nhiên, còn một số cá nhân thì đã rút hết tiền góp vốn hoặc đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an triệu tập đến làm việc nhưng không đến, một số khách hàng khác thì do thay đổi địa chỉ, chỗ ở nên chưa xác minh được chỗ ở mới của họ nên chưa ghi được lời khai về việc góp vốn vào Công ty H1. Ngày 16/12/2015, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã có Công văn số 4231/C46-P11 đề nghị Báo Công an nhân dân đăng tin thông báo. Trong các ngày 21/12/2015, ngày 22/12/2015 và ngày 24/12/2015, Báo Công an nhân dân online, Báo Công an nhân dân và Báo An ninh Thủ đô đã đăng tin thông báo, nhưng sau 30 ngày kể từ ngày đăng tin tại các báo nêu trên không có cá nhân nào đến trình báo và làm việc với Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ công an về việc góp vốn vào Công ty H1.

Nguyễn Văn T và Bùi Mạnh H thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai của Nguyễn Văn T, Bùi Mạnh H phù hợp với kết quả xác minh tại Công ty H1 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Về động cơ, mục đích phạm tội, T khai: Khi Công ty H1 ký hợp tác đầu tư và đề nghị Công ty H2 hỗ trợ nhằm chứng minh tài chính để xin được chuyển đổi, nâng cấp Công ty H1 trực thuộc UBND thành phố Hà Nội và được làm chủ đầu tư dự án xây dựng khu chung cư B5 Cầu D. T và H thừa nhận số tiền huy động được của khách hàng thì T và H đã bàn bạc thống nhất gửi tiết kiệm tại ngân hàng và kinh doanh thếp để lấy tiền lãi. Do Công ty xây dựng Trường G chưa thanh toán cho Công ty H1 số tiền 93.540.572.791 đồng (trong đó có 92.614.369.100 đồng của Dự án B5 Cầu D) nên Công ty H1 bị Ngân hàng cản trừ 4.145.289.569 đồng vào số tiền vốn vay thực hiện Dự án B5 Cầu D của Công ty H1 gửi tại Ngân hàng.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định: Công ty H2 đã tiến hành việc huy động vốn của khách hàng để thực hiện Dự án B5 Cầu D trong khi dự án này chưa được triển khai như Pháp luật quy định là trái pháp luật.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 347/2016/HSST ngày 19/9/2016, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 165; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo:

- Nguyễn Văn T 18 năm tù về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn tù tính từ ngày 27/9/2013.

- Bùi Mạnh H 13 năm tù về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 04/8/2014 đến ngày 28/6/2016.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm bồi thường dân sự, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

- Ngày 27/9/2016, bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo kêu oan.
- Ngày 29/9/2016, bị cáo Bùi Mạnh H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì lý do Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 13 năm tù là quá nặng.
- Ngày 28/9/2016, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Quang T2 kháng cáo đề nghị Công ty H1 phải trả cả tiền gốc và tiền lãi cho ông.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn T, Bùi Mạnh H thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã qui kết về hành vi phạm tội của từng bị cáo. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét khoan hồng giảm nhẹ để các bị cáo yên tâm cải tạo sớm được trở về hòa đồng với xã hội và gia đình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Quang T2 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo phải có trách nhiệm trả khoản tiền lãi suất trong tổng số tiền 500 triệu đồng mà ông đã góp vốn cho Công ty H1.

Bà Quách Thị T3 cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên về phần bồi thường còn thiếu của bà 01 suất góp vốn mua nhà mà bà đã mua lại của ông Lê Minh Ch2.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T - Luật sư Lương Quang T1 đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét lại tội danh cho bị cáo T có phải tội của bị cáo như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết đối với bị cáo không, nếu đúng thì đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét một cách khách quan, toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến của Kiểm sát viên; lời khai của các bị cáo; bào chữa của Luật sư cho bị cáo T; lời trình bày của bị đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn T và Bùi Mạnh H thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung Cáo trạng và Bản án sơ thẩm đã qui kết về hành vi phạm tội đối với các bị cáo, cụ thể: Trong khoảng thời gian từ năm 2008 - 2011, mặc dù dự án B5 Cầu D chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng, thiết kế nhà ở chưa được phê duyệt và Công ty của các bị cáo cũng chưa

tiến hành những công việc cần thiết đối với dự án mà các bị cáo dự định xây dựng nhưng Nguyễn Văn T đã lấy tư cách là Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Tổng giám đốc Công ty H1 đã chỉ đạo Bùi Mạnh H đứng ra tổ chức huy động vốn của khách hàng là những người có nhu cầu mua nhà dưới hình thức hợp đồng góp vốn, tức là cho Công ty H1 vay để sau này họ được mua nhà, Công ty của bị cáo đã thu được tổng số tiền 263.339.026.000 đồng.

Sau khi thu được tiền, các bị cáo T và H đã sử dụng số tiền đó vào nhiều mục đích khác nhau và việc sử dụng lại không đúng với mục đích góp vốn của khách hàng và cũng không báo cáo với UBND thành phố Hà Nội là chủ sở hữu trực tiếp của Công ty nơi bị cáo Hà và Tuấn công tác. Do Dự án B5 Cầu D chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chưa được cấp giấy phép xây dựng, chưa hoàn thành các thủ tục mua bán qua sàn giao dịch bất động sản, chưa có các thủ tục pháp lý cần thiết khác cho việc xây dựng dự án, cũng như chưa hề xây dựng gì kể cả móng nhà. Nhưng Nguyễn Văn T đã chỉ đạo Bùi Mạnh H đứng ra huy động khách hàng góp vốn. Tổng số tiền thu được với danh nghĩa góp vốn là cực kỳ lớn so với số vốn điều lệ của Công ty các bị cáo. Sau khi huy động được vốn thì các bị cáo lại sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau và trái với quy định của Nhà nước dẫn đến gây thất thoát không thu hồi lại được để trả cho những người đã góp vốn với tổng số tiền là 88.241.500.000 đồng.

Hành vi của bị cáo T và bị cáo H trái quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Nhà ở năm 2005; trái quy định tại khoản 3 Điều 9 NĐ71/NĐ-CP của Chính Phủ; trái với qui định tại điểm d khoản 2 Điều 27 NĐ25/NĐ-CP ngày 19/3/2010 của Chính Phủ và trái với điểm 3.2 khoản 3 Điều 3 Mục I, chương II Thông tư số 117 ngày 5/8/2010 của Bộ Tài chính. Do bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Bùi Mạnh H có hành vi phạm tội như trên nên bị Tòa án cấp sơ thẩm kết án về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” theo qui định tại khoản 3 Điều 165 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó làm suy yếu, mất lòng tin của một bộ phận nhân dân vào hoạt động đúng đắn của các cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp nhà nước, không những thế còn gây mất trật tự trị an và gây ảnh hưởng xấu đến môi trường kinh doanh. Tổng số tiền các bị cáo huy động được là quá lớn, đến nay vẫn chưa khắc phục trả lại được cho người đã góp vốn.

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc thì mới phù hợp với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Hội đồng xét xử thấy mức hình phạt tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng pháp luật để xử phạt đối với các bị cáo là thỏa đáng, tương

xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra và mức hình phạt tù của từng bị cáo cũng đã phù hợp với vai trò, vị trí của từng bị cáo, nên cần thiết phải giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

Đối với người có quyền lợi liên quan bà Quách Thị T3 đề nghị xem xét về việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên thiếu của bà 01 suất góp vốn mà bà đã mua lại của ông Lê Minh Ch2, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có đầy đủ căn cứ để khẳng định bà Quách Thị T3 đã mua lại suất góp vốn của ông Lê Minh Ch2. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T3 đề nghị được bồi thường 02 suất (trong đó có cả suất mua lại của ông Ch2). Mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm cũng xác định như vậy nhưng không đưa ông Ch2 vào tham gia tố tụng và cũng chưa quyết định Công ty H1 phải bồi thường khoản tiền này và sau khi xét xử sơ thẩm, bà T3 kháng cáo quá hạn nhưng xét đề nghị của bà T3 là chính đáng và có căn cứ pháp luật, nên cần chấp nhận để đảm bảo quyền lợi cho bà T3 để giữ ổn định bản án và đảm bảo quyền lợi cho bà T3 vì vụ án xảy ra đã lâu.

Đối với nội dung kháng cáo của ông Vũ Quang T2 về việc ông đề nghị phải tính tiền lãi cho ông, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Do hợp đồng góp vốn giữa ông T2 với Công ty H1 là không đúng pháp luật (bị coi là hợp đồng vô hiệu) nên Tòa án cấp sơ thẩm không tính lãi suất đối với khoản tiền góp vốn của ông là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên và căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ mức hình phạt tù của các bị cáo Nguyễn Văn T, Bùi Mạnh H, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm về phần hình phạt tù đối với các bị cáo, nay tuyên:

Áp dụng khoản 3 Điều 165; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 53 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 18 (mười tám) năm tù về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày bị bắt tạm giam 27/9/2013.

Áp dụng khoản 3 Điều 165; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 53 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Mạnh H 13 (mười ba) năm tù về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày bắt thi hành

án (được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2014 đến ngày 28/6/2016).

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Sửa phần bồi thường đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quách Thị T3: Buộc Công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu và đầu tư xây dựng phát triển thành phố Hà Nội phải hoàn trả cho bà Quách Thị T3 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng) cho cả 2 hợp đồng, trong đó có hợp đồng do bà mua lại của ông Lê Minh Ch2.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn T và Bùi Mạnh H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (16/8/2017).

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND Tp Hà Nội;
- VKSND Tp Hà Nội;
- TTG - CA Tp Hà Nội;
- Công an Tp Hà Nội;
- Cục THADS tp Hà Nội;
- Bị cáo T (qua trại);
- Bị cáo H (theo địa chỉ);
- NLQ (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Xuân Hùng